

ĐIỀU KHOẢN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ THEO QUY ĐỊNH CỦA PICC, CISG VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

ĐỖ HỒNG QUYÊN*

Điều khoản giải quyết tranh chấp trong hợp đồng mua bán quốc tế là một loại điều khoản đặc biệt được các bên thỏa thuận để làm cơ sở giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng. Do đó, nó chỉ điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của chủ thể hợp đồng khi có tranh chấp xảy ra. Nói cách khác, điều khoản giải quyết tranh chấp sẽ không có ý nghĩa gì đối với các bên nếu không có tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Từ khoá: Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, điều khoản hợp đồng, điều khoản giải quyết tranh chấp.

Ngày nhận bài: 24/9/2020; Biên tập xong: 25/9/2020; Duyệt đăng: 25/9/2020

Dispute resolution clause in international sales contracts is a special kind of provision set out by the parties to serve as a basis for resolving disputes in the performance of contract. Therefore, it only regulates the rights and obligations of the contract holder when disputing. In case of no dispute in performance of contract, dispute resolution clause will be meaningless to the parties.

Keywords: International sales contracts, contract clauses, dispute resolution clause.

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc tìm hiểu thói quen trong giao dịch thương mại quốc tế, pháp luật quốc tế về thương mại nói chung cũng như tìm hiểu vấn đề giải quyết tranh chấp trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (HĐMBHHQT) nói riêng là hết sức cần thiết. Bài viết đề cập tới một số vấn đề pháp lý cơ bản liên quan tới điều khoản giải quyết tranh chấp trong HĐMBHHQT được ghi nhận trong hai tài liệu là “Bộ nguyên tắc UNIDROIT về hợp đồng thương mại quốc tế” (PICC) và “Công ước Viên 1980 của Liên hợp quốc về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế” (CISG).

Thứ nhất, về Bộ nguyên tắc UNIDROIT. Mặc dù không phải là điều ước quốc tế nhưng

Bộ nguyên tắc này có một ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Nội dung của tài liệu này được coi là tổng hợp các nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng trong thương mại quốc tế; theo đó, việc áp dụng các nguyên tắc này là áp dụng các nguyên tắc chung của pháp luật (Lex mercatoria)¹. Bộ nguyên tắc còn có ý nghĩa trong việc giải thích pháp luật quốc gia, pháp luật quốc tế, đồng thời được coi là khuôn mẫu cho những nhà làm luật quốc gia và quốc tế trong lĩnh vực thương mại quốc tế.²

Thứ hai, về Công ước Viên 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng thương mại quốc tế (CISG). Đây là một điều ước quốc

* *Thạc sĩ, Trường Đại học Thương mại*

¹ Xem: Bộ nguyên tắc UNIDROIT, phiên bản 2004, trang 35

² Xem: Bộ nguyên tắc UNIDROIT, phiên bản 2004, trang 39

tế quan trọng, hiện đang điều chỉnh các giao dịch chiếm khoảng 80% thương mại hàng hóa trên thế giới. Việc tìm hiểu điều khoản giải quyết tranh chấp trong Công ước này cũng rất hữu ích cho các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mở rộng giao lưu thương mại quốc tế ngày nay.

1. Nguyên tắc tạo lập điều khoản giải quyết tranh chấp trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

1.1. Nguyên tắc tự do thỏa thuận

Nguyên tắc cơ bản để tạo lập điều khoản giải quyết tranh chấp trong HĐMBHHQT là nguyên tắc tự do thỏa thuận. Theo đó, các bên chủ thể có quyền tự do thỏa thuận về những vấn đề pháp lý trong việc giải quyết tranh chấp liên quan tới hợp đồng. Về mặt lý luận, nội dung hợp đồng được hiểu là tổng thể những điều khoản do các bên chủ thể thỏa thuận, các điều khoản này ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc thực hiện hợp đồng. Vì vậy, với tư cách là điều khoản của hợp đồng, điều khoản giải quyết tranh chấp sẽ phải tuân thủ nguyên tắc tự do thỏa thuận của các bên.

Nội dung của nguyên tắc tự do thỏa thuận được thể hiện trong PICC và CISG như sau:

Thứ nhất, nguyên tắc tự do hợp đồng được đề cập trong Bộ nguyên tắc của UNIDROIT về hợp đồng thương mại quốc tế (PICC). Phiên bản đầu tiên của PICC được ban hành vào năm 1994. Để thích ứng với sự thay đổi và phát triển của thương mại quốc tế, cho đến nay, PICC đã được sửa đổi bổ sung 3 lần vào các năm 2004, 2010 và 2016. Điểm đáng lưu ý là trong các lần sửa đổi bổ sung sau này, tất cả các phiên bản của PICC đều đặt nguyên

tắc tự do hợp đồng (freedom of contract) là nguyên tắc đầu tiên¹.

Với tên gọi của Điều 1.1 là “tự do hợp đồng” (*freedom of contract*) thể hiện trong PICC, đây được xem như nguyên tắc cơ bản làm nền tảng cho những nội dung khác trong hợp đồng. Theo đó, người kinh doanh thương mại quốc tế có quyền tự do chọn đối tác mà họ sẽ cung cấp hàng hoá, dịch vụ; đồng thời có quyền tự do thỏa thuận các điều khoản khác của giao dịch... Điều đó có nghĩa là các bên trong hợp đồng được tự do lựa chọn việc tham gia hợp đồng, lựa chọn đối tác, thống nhất nội dung, thỏa thuận những điều khoản chung và những điều khoản đặc thù đối với hợp đồng, trong đó có điều khoản giải quyết tranh chấp.

Thứ hai, Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG). Công ước này được xem là một trong những văn bản pháp lý quốc tế thành công nhất góp phần thúc đẩy thương mại quốc tế trong bối cảnh hiện nay. Công ước được ký ngày 11/04/1980, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/1988, hiện có 93 thành viên². Việt Nam là thành viên thứ 84 của Công ước và bị ràng buộc bởi Công ước từ ngày 01/01/2017.

CISG được xây dựng thành bốn phần, gồm 101 Điều khoản với các nội dung chính là: Tiêu chí xác định hợp đồng MBHHQT; Phạm vi áp dụng CISG; Giao kết hợp đồng MBHHQT; Nghĩa vụ của bên bán và bên mua; Các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng MBHHQT. Mặc

¹ Xem Điều 1.1

² Xem: Công ước Viên Liên hiệp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. vi.m.wikipedia.org (Truy cập ngày 12/09/2020)

dù CISG không xây dựng một điều khoản cụ thể “*Freedom of contract*” như PICC nhưng rất nhiều điều khoản của CISG, đặc biệt từ Điều 14 đến Điều 24, đều thể hiện nguyên tắc tự do thỏa thuận.

Nội dung Phần II về ký kết hợp đồng đã thể hiện khá rõ nét về nguyên tắc tự do hợp đồng. Theo đó, CISG quy định: Hợp đồng chỉ được coi như đã được ký kết khi cả hai bên chủ thể đều biết đầy đủ, chính xác nội dung chào hàng và muốn tự ràng buộc vào những điều khoản của chào hàng (Điều 14). Theo Điều 17 của CISG, chào hàng - dù là cố định, sẽ mất hiệu lực khi người chào hàng nhận được thông báo về việc từ chối chào hàng (Điều 17). Điều 18 của CISG quy định chấp nhận chào hàng có hiệu lực từ khi người chào hàng nhận được chấp thuận (Điều 18(2)).

Với những quy định của PICC và CISG trên đây, có thể thấy trong cả hai tài liệu này, hợp đồng chỉ có giá trị pháp lý ràng buộc các bên khi các bên chủ thể của hợp đồng biết rõ ràng và cụ thể về nội dung hợp đồng và các bên tự nguyện ràng buộc quyền và nghĩa vụ được xác lập từ hợp đồng đó.

1.2. Nguyên tắc hình thức điều khoản giải quyết tranh chấp được thể hiện dưới hình thức văn bản

Hình thức điều khoản giải quyết tranh chấp là dạng vật chất chứa đựng sự thỏa thuận của các chủ thể của hợp đồng liên quan tới việc giải quyết bất đồng, mâu thuẫn hoặc xung đột lợi ích giữa các bên chủ thể của hợp đồng.

Như đã đề cập trên đây, điều khoản giải quyết tranh chấp là một loại điều khoản của hợp đồng. Do đó, loại điều khoản này cần phải tuân thủ những quy

định về điều khoản của hợp đồng nói chung. Theo PICC và CISG thì hợp đồng được thể hiện dưới bất cứ hình thức nào cũng đều có giá trị pháp lý.

PICC quy định nội dung này tại Điều 1.2 về hình thức hợp đồng; theo đó, hợp đồng không bắt buộc phải tuân theo các điều kiện về hình thức hợp đồng. “Chúng có thể được chứng minh bằng bất kỳ cách thức nào, kể cả bằng nhân chứng” (Điều 1.2, PICC, phiên bản 2004). Với nội dung quy định tại Điều 1.2 của PICC, có thể hiểu hình thức hợp đồng không cần phải thể hiện dưới một dạng vật chất cụ thể. Trong bối cảnh truyền thông hiện đại phát triển nhanh chóng, các hình thức kết nối để tiến hành các giao dịch trong thương mại quốc tế như điện thoại, fax, thư điện tử, internet... đều được chấp nhận³.

CISG quy định hình thức của hợp đồng tại Điều 11, theo đó, hợp đồng mua bán không cần phải được ký kết hoặc xác nhận bằng văn bản hay phải tuân thủ một yêu cầu nào khác về hình thức hợp đồng. Hợp đồng có thể được chứng minh bằng mọi cách kể cả bằng những lời khai của nhân chứng (Điều 11, CISG). Theo tinh thần của CISG thì điện báo và telex cũng được coi là hình thức văn bản (Điều 13, CISG).

Với quan điểm về hình thức hợp pháp của HĐMBHHQT như đã đề cập trên đây của PICC và CISG, có thể hiểu, hợp đồng có thể được coi là hợp pháp dưới mọi hình thức. Điều đó cũng có nghĩa là mọi điều khoản của hợp đồng đều được coi là hợp pháp dưới mọi hình thức, trong đó bao gồm điều khoản giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, việc quy định điều khoản giải

³ Xem: Bình luận Điều 1.2, PICC 2004

quyết tranh chấp trong HĐMBHHQT được thể hiện dưới mọi hình thức có thể tạo ra những khó khăn trên thực tiễn áp dụng quy định này vì trong nhiều trường hợp, pháp luật quy định điều khoản giải quyết tranh chấp phải được thể hiện dưới hình thức viết mới có giá trị pháp lý.⁴ Ví dụ như tại khoản 1, Điều II Công ước New York (1958) về Công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài (được thông qua ngày 10/6/1958 tại New York); khoản 2, Điều 7 Luật mẫu trọng tài thương mại quốc tế⁵ cũng như trong quy định pháp luật Việt Nam tại khoản 2, Điều 16, Luật trọng tài thương mại (2010) được Quốc hội Khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17/06/2010.

2. Nội dung cơ bản của điều khoản giải quyết tranh chấp

Với chức năng giải quyết tranh chấp nên nội dung của điều khoản giải quyết tranh chấp bao gồm tất cả những vấn đề liên quan tới giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, với thực tiễn pháp lý, nội dung cơ bản của điều khoản giải quyết thường bao gồm vấn đề như: Phương thức giải quyết tranh chấp, luật áp dụng và điều khoản đặc biệt...

2.1. Phương thức giải quyết tranh chấp

Phương thức giải quyết tranh chấp là cách thức mà các bên tranh chấp dùng để xử lý mâu thuẫn, xung đột lợi ích trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trong tranh chấp thương mại quốc tế nói chung

và tranh chấp HĐMBHHQT nói riêng, các phương thức như thương lượng, trung gian hòa giải và xét xử (bao gồm xét xử trước trọng tài và xét xử trước tòa án)⁶ thường được sử dụng.

Thứ nhất, phương thức thương lượng. Thương lượng là phương thức giải quyết tranh chấp thường được các bên hợp đồng thỏa thuận lựa chọn để giải quyết tranh chấp trong giai đoạn đầu tiên của quá trình giải quyết tranh chấp. Theo đó, các bên tranh chấp sẽ gặp nhau để trao đổi và thể hiện nguyện vọng của mình liên quan tới tranh chấp. Trong phương thức này, chỉ có các bên tranh chấp tham gia giải quyết tranh chấp mà không có bên thứ ba. Trong quá trình thương lượng, các bên không phải chịu sự ràng buộc vào phán quyết nào. Kết quả của sự thương lượng sẽ do các bên tự nguyện thực hiện. Nói cách khác, kết quả thương lượng sẽ hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự nguyện của các bên tranh chấp mà không có bất kỳ cơ chế pháp lý nào để cưỡng chế thi hành. Nếu các bên thỏa mãn yêu cầu của mình trong quá trình thương lượng thì việc giải quyết tranh chấp coi như được chấm dứt.

Thứ hai, phương thức trung gian hòa giải. Trong trường hợp tranh chấp không thể thực hiện được ở phương thức thương lượng thì thường sẽ được giải quyết ở phương thức trung gian hòa giải. Khác với phương thức thương lượng do các bên tranh chấp tự giải quyết, trong phương thức trung gian hòa giải có sự tham gia của bên thứ ba. Bên thứ ba, với tư cách trung gian, sẽ giúp các bên nhận rõ tình trạng tranh chấp và cách thức

⁴ Xem: Nông Quốc Bình, Đặc điểm của điều khoản thỏa thuận trọng tài thương mại quốc tế và kinh nghiệm cho các bên ký kết, Tạp chí Luật học số 5/2018.

⁵ Xem: Luật mẫu trọng tài thương mại quốc tế, được Ủy ban Luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc thông qua ngày 21/06/1985.

⁶ Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật thương mại quốc tế, 2019, trang 386.

tháo gỡ tranh chấp, trên cơ sở đó làm cho các bên hiểu thêm hậu quả các bên phải gánh chịu nếu tranh chấp không được giải quyết. Để giải quyết tranh chấp bằng phương pháp trung gian hòa giải, bên thứ ba không được quyền đưa ra phán quyết mà chỉ giúp các bên nhận thức được vấn đề của tranh chấp để cùng nhau giải quyết.

Thứ ba, phương thức xét xử trước trọng tài. Trong trường hợp tranh chấp không giải quyết được tại phương thức trung gian hòa giải thì tranh chấp có thể được giải quyết tại phương thức trọng tài hoặc tòa án. Nếu các bên chọn phương thức trọng tài để giải quyết tranh chấp, thì các bên có thể chọn loại trọng tài thiết chế (Institutional Arbitration) hoặc loại trọng tài vụ việc (Ad hoc Arbitration). Tùy theo mức độ phức tạp và những điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn mà các bên có thể chọn loại trọng tài. Kết quả của phương thức trọng tài là phán quyết trọng tài. Phán quyết trọng tài phán quyết của bên thứ ba, nó là phán quyết chung thẩm và được các bên tự nguyện thực hiện.

Thứ tư, phương thức xét xử trước tòa án. Nếu các bên không lựa chọn phương thức trọng tài, như đã đề cập trên đây thì các bên có thể chọn phương thức tòa án. Tòa án sẽ là bên thứ ba tiến hành xét xử và bên thứ ba này có quyền đưa ra phán quyết buộc các bên tranh chấp phải thi hành. Nếu so sánh việc giải quyết tranh chấp trước trọng tài với tòa án thì việc xét xử trước trọng tài có nhiều ưu điểm hơn so với tòa án bởi các yếu tố có tính chất đặc thù của trọng tài như: Tính trung lập, khả năng thi hành phán quyết, tính linh hoạt, tính bảo mật, thẩm quyền bổ sung

của trọng tài viên, tính liên tục của thẩm quyền trọng tài.⁷

Để có cơ sở pháp lý cho việc giải quyết tranh chấp bằng các phương thức nêu trên như thương lượng hay trung gian hòa giải hoặc xét xử (xét xử trước trọng tài hoặc tòa án), các bên chủ thể của hợp đồng cần thỏa thuận nhất trí lựa chọn một phương thức cụ thể đưa vào điều khoản giải quyết tranh chấp.

Nội dung về phương thức giải quyết tranh chấp trong điều khoản giải quyết tranh chấp của HĐMBHHQT được thể hiện trong PICC và CISG như sau:

Đối với PICC: Tuy không quy định một cách cụ thể việc đưa nội dung phương thức giải quyết tranh chấp vào hợp đồng nhưng các loại phương thức truyền thống dùng để giải quyết tranh chấp được đề cập khá rõ ràng trong PICC. Ví dụ, khi đề cập tới vấn đề “hoàn cảnh khó khăn” (Hardship), Điều 6.2.3 (3) quy định: “Nếu các bên không thỏa thuận được trong một thời gian hợp lý thì mỗi bên có quyền yêu cầu tòa án giải quyết”; Nội dung quy định thời hiệu tạm dừng do thủ tục tố tụng được thể hiện tại Điều 10.5 trong đó đề cập tới cơ quan tài phán (tòa án); Thời hiệu tạm dừng do thủ tục trọng tài được thể hiện tại Điều 10.6; Biện pháp hòa giải được đề cập tới tại Điều 10.7 của PICC. Như vậy, những quy định về phương thức giải quyết tranh chấp nêu trên đây của PICC đã thể hiện sự quan tâm của những người soạn thảo PICC liên quan tới điều khoản giải quyết tranh chấp. Theo đó, các phương thức giải quyết tranh chấp cần được các bên tính đến trong quá trình xây

⁷ Xem: Redfern & Hunter, Trọng tài quốc tế, Oxford, ấn bản lần thứ sáu, trang 39.

dụng điều khoản giải quyết tranh chấp trong HĐMBHHQT.

Đối với CISG: Nội dung liên quan tới thỏa thuận về phương thức giải quyết tranh chấp trong HĐMBHHQT được ghi nhận trong CISG tại Điều 61(3), theo đó: *“không một thời gian gia hạn nào có thể được Tòa án hay Trọng tài ban cho người mua khi người bán vi phạm dẫn một biện pháp bảo hộ pháp lý nào đó mà họ có quyền sử dụng trong trường hợp người mua vi phạm hợp đồng”*.

Với nội dung quy định tại Điều 61(3) của CISG trên đây, có thể hiểu rằng có hai vấn đề cần lưu ý. Một là, CISG đã khuyến khích các bên chủ thể của hợp đồng sử dụng phương thức Tòa án hoặc Trọng tài trong việc giải quyết tranh chấp. Hai là, bên cạnh việc sử dụng phương thức Tòa án hay Trọng tài, các bên còn có thể sử dụng các phương thức khác để giải quyết tranh chấp. Theo thói quen truyền thống, các phương thức khác có thể là thương lượng, trung gian và hòa giải. Việc áp dụng phương thức nào sẽ do các bên thỏa thuận đưa vào điều khoản giải quyết tranh chấp trong HĐMBHHQT.

2.2. Luật áp dụng để giải quyết tranh chấp

Quan hệ HĐMBHHQT là quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, do đó nó được điều chỉnh trên cơ sở những nguyên tắc của tư pháp quốc tế. Một trong những vấn đề cơ bản khi giải quyết xung đột pháp luật là áp dụng pháp luật để xử lý những trường hợp cụ thể. Để xác định và áp dụng pháp luật nước ngoài trong tư pháp quốc tế người ta có thể dựa vào nhiều tiêu chí như: Khi có quy phạm xung đột thông thường dẫn chiếu đến luật nước ngoài; Khi có quy phạm xung đột thống nhất dẫn chiếu đến pháp luật nước ngoài;

Theo sự thỏa thuận của các bên về áp dụng pháp luật nước ngoài; Khi cơ quan có thẩm quyền xác định luật nước ngoài được áp dụng.⁸

Trong PICC quy định về luật áp dụng được ghi nhận tại Điều 1.3, Điều 1.4; Điều 1.9.

Điều 1.3 của PICC quy định về tính ràng buộc của các điều khoản của PICC, theo đó, hợp đồng ràng buộc các bên giao kết. Các bên chỉ có thể sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt hợp đồng trên cơ sở các điều khoản của hợp đồng. Điều này có nghĩa là điều khoản do các bên thỏa thuận sẽ điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của họ. Nội dung này được tái khẳng định tại Điều 1.5. của PICC.

Điều 1.4 của PICC quy định: *“Bộ nguyên tắc này không hạn chế việc áp dụng những quy phạm bắt buộc, có nguồn gốc quốc gia, quốc tế hay siêu quốc gia, được áp dụng trên cơ sở các quy phạm của tư pháp quốc tế”*. Điều này có nghĩa là PICC tuân thủ các nguyên tắc của tư pháp quốc tế trong việc áp dụng các điều ước quốc tế và áp dụng pháp luật nước ngoài để điều chỉnh quan hệ HĐMBHHQT.

Điều 1.9 của PICC quy định các bên sẽ bị ràng buộc bởi tập quán mà các bên đã thỏa thuận và thói quen mà họ xác lập trong giao dịch.

Như vậy, theo PICC, việc áp dụng pháp luật quốc gia, pháp luật quốc tế được xác định bởi các nguyên tắc của Tư pháp quốc tế. Bên cạnh đó, PICC còn đề cập tới việc áp dụng tập quán và thói quen thương mại để điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của các bên, trong đó có vấn đề giải quyết tranh chấp.

⁸ Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Tư pháp quốc tế, Hà Nội, 2017, trang 79

Trong CISG, nội dung liên quan tới áp dụng pháp luật cho quan hệ giữa các bên tại Điều 1; Điều 7.2 và Điều 9.1 như sau:

Điều 1 Công ước quy định về phạm vi áp dụng Công ước là đối với các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên có trụ sở thương mại tại các quốc gia khác nhau trong hai trường hợp: Trường hợp thứ nhất, khi các quốc gia này là các quốc gia thành viên của Công ước. Trường hợp thứ hai, khi theo các quy tắc của tư pháp quốc tế thì luật được áp dụng là luật của các nước thành viên Công ước.

Điều 7.2 của Công ước quy định: Trong trường hợp liên quan tới đối tượng điều chỉnh của Công ước mà không được quy định cụ thể trong Công ước thì sẽ được giải quyết theo nguyên tắc chung hình thành Công ước. Trường hợp không có các nguyên tắc này thì chiếu theo luật được áp dụng theo quy phạm của tư pháp quốc tế.

Điều 9.1 Công ước quy định: Các bên bị ràng buộc bởi tập quán mà họ đã thỏa thuận và thực tiễn mà họ đã thiết lập.

Như vậy, với các quy định liên quan tới luật áp dụng được ghi nhận trong PICC và CISG có thể thấy việc xác định pháp luật trong các tài liệu này có thể thực hiện trực tiếp là các quy định cụ thể của Công ước, hoặc dựa vào thói quen, tập quán do các bên thực hiện, xác lập hoặc theo nguyên tắc của tư pháp quốc tế. Có thể thấy, dù xác định theo cách thức nào thì các bên cũng hướng tới mục đích là xác định pháp luật áp dụng cho quyền và nghĩa vụ của các bên, trong đó có việc xác định pháp luật áp dụng cho việc giải quyết tranh chấp trong HĐMBHHQT.

3. Pháp luật Việt Nam liên quan tới điều khoản giải quyết tranh chấp trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Thứ nhất, về nguyên tắc tự do thỏa thuận xác lập điều khoản giải quyết tranh chấp. Pháp luật Việt Nam quy định về quyền tự do giao kết hợp đồng là khá nhất quán và cụ thể. Bộ luật dân sự năm 2015 đưa ra định nghĩa về hợp đồng và đề nghị giao kết hợp đồng theo đó: *Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự*⁹ (Điều 385); và *đề nghị giao kết hợp đồng là việc thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này của bên đề nghị đối với bên đã được xác định*¹⁰ (Điều 386). Đối với hoạt động thương mại, quyền tự do hợp đồng được pháp luật chuyên ngành cụ thể hoá tại Luật Thương mại năm 2005: Các bên có quyền tự do thỏa thuận không trái với các quy định của pháp luật, thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ các quyền đó; Trong hoạt động thương mại, các bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào được thực hiện hành vi áp đặt, cưỡng ép, đe dọa, ngăn cản bên nào¹¹.

Như vậy, nguyên tắc tự do thỏa thuận được ghi nhận trong pháp luật Việt Nam là nguyên tắc hoàn toàn phù hợp với quy định của PICC và CISG. Nguyên tắc này không chỉ điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mà nó còn là cơ sở để các bên xây dựng điều khoản giải quyết tranh chấp trong HĐMBHHQT.

⁹ Điều 385, BLDS năm 2015

¹⁰ Điều 116, BLDS năm 2015

¹¹ Điều 11, Luật Thương mại năm 2005

Thứ hai, về nguyên tắc hình thức điều khoản giải quyết tranh chấp trong HĐMBHHQT phải bằng văn bản. Theo nội dung của Văn bản hợp nhất 03/VBHN-VPQH năm 2017 hợp nhất Luật thương mại do Văn phòng Quốc hội ban hành đã quy định về hình thức của hợp đồng mua bán hàng hóa như sau: Đối với hợp đồng mua bán hàng hóa không có yếu tố quốc tế thì “Hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể” (khoản 1, Điều 24); Đối với hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế thì phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản hoặc bằng hình thức có giá trị pháp lý tương đương. (khoản 2, Điều 27).

Việc quy định về hình thức HĐMBHHQT phải được thể hiện dưới hình thức văn bản đã không phù hợp với quy định của một số điều ước quốc tế về vấn đề này như CISG mà Việt Nam là một thành viên, như đã đề cập trên đây. Tuy nhiên, quy định này lại phù hợp với quy định của Công ước New York 1958 về Công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, mà Việt Nam cũng là thành viên. Nội dung này được quy định tại Điều IV của Công ước. Theo đó, bên yêu cầu công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài phải nộp bộ hồ sơ trong đó có bản gốc thỏa thuận trọng tài hoặc bản sao thỏa thuận trọng tài có xác nhận hợp lệ. Trong quy định này, thỏa thuận trọng tài được xem là cơ sở pháp lý xác lập điều khoản giải quyết tranh chấp. Như vậy, hình thức thỏa thuận giải quyết tranh chấp trong trường hợp này phải được thể hiện dưới hình thức văn bản mới có giá trị pháp lý.

Để tránh rơi vào tình trạng thỏa thuận về điều khoản giải quyết tranh chấp không có giá trị pháp lý, các doanh nghiệp Việt Nam trong khi ký hợp đồng cần lưu ý tới hình thức thỏa thuận về điều khoản giải quyết tranh chấp. Thỏa thuận giải quyết tranh chấp luôn phải được thể hiện dưới hình thức văn bản cho dù hợp đồng được thể hiện dưới hình thức nào. Điều này hoàn toàn có thể thực hiện được vì thỏa thuận điều khoản giải quyết tranh chấp và thỏa thuận về các điều khoản khác của hợp đồng là các thỏa thuận luôn độc lập với nhau. Vì vậy, chúng có thể được xác lập ở các thời điểm khác nhau và với hình thức khác nhau.

Thứ ba, về phương thức giải quyết tranh chấp. Theo pháp luật Việt Nam, việc tự do thỏa thuận về phương thức giải quyết tranh chấp được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Ví dụ: Luật thương mại năm 2005 đưa ra các phương thức giải quyết tranh chấp để các bên lựa chọn tại Điều 317. Theo đó, “*Thương lượng giữa các bên; Hoà giải giữa các bên do một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân được các bên thỏa thuận chọn làm trung gian hoà giải; Giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án*”. Hoặc phương thức giải quyết tranh chấp bằng tố tụng Tòa án, được ghi nhận tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo đó, các bên có quyền “*Tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án do Tòa án tiến hành* (Khoản 11 Điều 70); “*Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật này*”¹².

Như vậy, theo quy định của pháp luật hiện hành, các phương thức giải quyết

¹² Điều 10, BLTTDS năm 2015

tranh chấp đã được đề cập khá cụ thể. Theo đó, các phương thức do các bên có thể lựa chọn để giải quyết tranh chấp bao gồm: thương lượng, trung gian hòa giải, xét xử trước trọng tài hoặc trước tòa án. Việc lựa chọn phương thức nào sẽ do các bên thỏa thuận đưa vào điều khoản giải quyết tranh chấp của hợp đồng.

Thứ tư, về luật áp dụng để giải quyết tranh chấp. Theo BLDS năm 2015 thì nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 683 như sau: “Các bên trong quan hệ hợp đồng được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng”. “Trường hợp các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng thì pháp luật của nước có mối liên hệ gần bó nhất với hợp đồng đó được áp dụng”.

Luật Trọng tài thương mại năm 2010 có quy định sự tự do thỏa thuận của các bên tranh chấp đối với luật áp dụng, theo đó, “...đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài, thì áp dụng pháp luật do các bên lựa chọn; Nếu các bên không có thỏa thuận về luật áp dụng thì Hội đồng trọng tài quyết định áp dụng pháp luật mà Hội đồng trọng tài cho là phù hợp nhất...”¹³.

Đối với việc áp dụng tập quán quốc tế, Điều 666 BLDS năm 2015 quy định: Các bên được lựa chọn tập quán quốc tế trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 664 của BLDS. Nếu hậu quả của việc áp dụng tập quán quốc tế đó trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam thì pháp luật Việt Nam được áp dụng¹⁴, Hoặc Điều 5, Luật Thương mại năm 2005 quy định: “Các bên trong giao dịch thương mại có yếu tố nước ngoài được thỏa thuận áp dụng pháp luật nước ngoài, tập quán thương mại quốc tế

*nếu pháp luật nước ngoài, tập quán thương mại quốc tế đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”*¹⁵.

Tóm lại, điều khoản giải quyết tranh chấp là một loại điều khoản quan trọng trong HĐMBHHQT. Điều khoản này được thể hiện rõ ràng trong PICC, CISG và trong pháp luật Việt Nam. Để có cơ sở pháp lý thực hiện điều khoản giải quyết tranh chấp, các chủ thể của HĐMBHHQT cần lưu ý tới những nguyên tắc tạo lập điều khoản cũng như nội dung của điều khoản này. Theo đó, tự do thỏa thuận tạo lập điều khoản, điều khoản phải thể hiện dưới hình thức văn bản, phương thức giải quyết tranh chấp và luật áp dụng là những vấn đề cần được quan tâm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UNCITRAL, Công ước của Liên hợp quốc về mua bán hàng hóa quốc tế (Công ước Viên năm 1980).
2. UNIDROIT, Bộ nguyên tắc Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế, 2004.
3. Quốc hội nước CHXHCNVN, Bộ luật dân sự, năm 2015.
4. Từ điển Luật học, Bộ Tư pháp, Viện khoa học pháp lý, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa, Nhà xuất bản Tư pháp, 2006
5. Christophe Imhoos, Herman Verbist and Jean-Francois Bourque, *Arbitration and alternative dispute resolution: How to settle international business dispute*, Arrelano Law Foundation (with the support of UNCTAD/ WTO Genève), 2002.
6. The University of Michigan Press (2001), *Assessing the Value of Law in Transition Economies*.
7. Li, Ya-Wei (2006) “Dispute Resolution Clauses in International Contracts: An Empirical Study,” *Cornell International Law Journal*.

¹³ Điều 14, Luật Trọng tài năm 2010

¹⁴ Xem Điều 666 BLDS năm 2015

¹⁵ Xem Điều 5 Luật Thương mại năm 2005.